TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/**2023/DSST
Ngày: 18/8/2023.
V/v:*"Tranh chấp đòi tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Hồng Diễm** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 162/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022, về "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 51/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị P**, sinh năm: 1954. (Vắng mặt)

Thường trú: Ấp Phước Hưng, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số 10 đường Cô Giang, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà **Huỳnh Thanh N**, sinh năm: 1983. (Có mặt)

Nơi ĐKTT: Lô 3-Căn 10 đường Lộ Liên Hương, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số 45, khu phố 1, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1974. (Vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Số 187 đường Lê Phụng Hiểu, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: C8-Lô 9 đường Phan Thị Ràng, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Ngô Minh T**, sinh năm: 1995. (Con trai của bà Nguyễn Thị T - Vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Số 187 đường Lê Phụng Hiểu, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: C8-Lô 9 đường Phan Thị Ràng, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tố tụng và tại Biên bản hòa giải ngày 25/5/2023, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:*

Bà P là người giúp việc nhà cho bà Nguyễn Thị T từ năm 2016 cho đến ngày 30 tết năm 2021 thì nghỉ việc. Quá trình giúp việc nhà cho bà T, bà T còn thiếu bà P các khoản tiền như sau: Tiền công giúp việc là 91.000.000 đồng; tiền mua đồ giùm bà T, trả tiền xe Honda ôm, tiền gửi cô giáo dạy học cho con bà T là 1.300.000 đồng. Tổng cộng các khoản tiền là: 92.300.000 đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng). Sau khi nghỉ việc, bà P đã đòi nhiều lần nhưng bà T cứ hứa hẹn mà không trả tiền cho bà P. Lần cuối cùng là vào ngày 17/02/2021, bà P đến đòi thì bà T kêu con trai là anh Ngô Minh T viết giấy nhận nợ và hẹn 02 tháng sau sẽ trả, nhưng cho đến nay vẫn không trả dù bà P đã liên hệ đòi nhiều lần.

Nay, bà Trần Thị P yêu cầu bà Nguyễn Thị T và con trai là anh Ngô Minh T phải trả cho bà P số tiền 92.300.000 đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng). Bà P xác nhận không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị P là bà Huỳnh Thanh N xác nhận vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị T và con trai là anh Ngô Minh T phải trả cho bà P số tiền 92.300.000 đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng). Bà N xác nhận không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị P khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Minh T trả số tiền còn nợ công giúp việc và các khoản tiền mượn khác tổng số tiền là 92.300.000 đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm nghìn

đồng). Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp đòi tài sản", và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ trực tiếp các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của bà T và anh T là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Minh T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Trần Thị P yêu cầu bà Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh T cùng liên đới trả cho bà P số tiền còn nợ công giúp việc và các khoản tiền mượn khác số tiền là 92.300.000 đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử nhận định:

Trong "Giấy xác nhận" đề ngày 17/02/2021 thể hiện nội dung: "*Tôi Ngô Minh T xác nhận còn nợ bà Trần Thị P sinh năm 1954 số tiền 92.300.000 đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm ngàn đồng) và thanh toán đủ sau 2 tháng*". Theo phía nguyên đơn trình bày thì Giấy xác nhận này là do anh Ngô Minh T tự viết và ký tên. Đồng thời, quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị T, anh Ngô Minh T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ có liên quan đến vụ việc tranh chấp của hai bên, không đến Tòa án tham dự phiên tòa, và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bà T và anh T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào "Giấy xác nhận" nêu trên để xác định bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Minh T có thiếu bà Trần Thị P tiền công giúp việc và các khoản tiền mượn khác số tiền là 92.300.000 đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng). Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn, do đó phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền 92.300.000 đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm liên đới của ông Ngô Minh T đối với số nợ 92.300.000 đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng). Mặc dù bà Trần Thị P khởi kiện bà Nguyễn Thị T, nhưng cũng có yêu cầu anh T cùng liên đới trả số tiền trên. Đồng thời, anh T là người viết và ký, ghi rõ họ tên xác nhận có thiếu bà Trần Thị P số tiền 92.300.000 đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng) và hứa hẹn thời

gian trả, nên cần buộc anh Ngô Minh T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà Nguyễn Thị T.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nôp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 92.300.000 đồng x 5% = 4.615.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Trần Thị P thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và Điều 2 của Luật người cao tuổi, nên không xem xét giải quyết tạm ứng án phí và án phí của bà P trong vụ án này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 2 của Luật người cao tuổi.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Minh T cùng liên đới trả cho nguyên đơn bà Trần Thị P số tiền **92.300.000** đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: **4.615.000** đồng (Bốn triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Trần Thị P thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và Điều 2 của Luật người cao tuổi, nên không xem xét giải quyết tạm ứng án phí và án phí của bà P trong vụ án này.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** <u>Nơi nhận</u>:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh